

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày 20-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Diệu

Ông Nguyễn Văn Đông

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D; địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 phố T, phường C, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Lê Phú, chức vụ: Nhân viên Xử lý nợ - Phòng kinh doanh Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D - Chi nhánh H (Giấy ủy quyền số 04/2019/UQ-GĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lã Thị C, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Trách

nhệm hữu hạn Một thành viên D do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần D (nay là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D) và ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C có ký hợp đồng tín dụng số 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 và khế ước nhận nợ số 0337.01/KUNN-GPBHP/10 ngày 15 tháng 11 năm 2010 với nội dung Ngân hàng Thương mại Cổ phần D cho ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C vay số tiền 1.680.000.000 đồng; thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010 đến ngày 15 tháng 11 năm 2020; mục đích vay mua đất ở; phương thức trả nợ gốc và nợ lãi theo tháng, mỗi tháng ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền nợ gốc là 14.000.000 đồng và trả nợ lãi vào ngày 15 hàng tháng; lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D tại thời điểm giải ngân là 19%/năm, lãi suất thay đổi 01 tháng một lần theo quy định của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả lãi bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tính trên số tiền nợ lãi trong hạn chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng số 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 vợ chồng ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 200m² đất thuộc thửa đất số 197S, tờ bản đồ số 05 tại thôn Bắc, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố H đứng tên chủ sử dụng là ông Phạm Văn Thủy và vợ là bà Lã Thị C đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BĐ120262 ngày 12 tháng 11 năm 2010 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0324/HĐTC-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 0324/HĐTC-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 được công chứng tại Phòng Công chứng số 01 thành phố H và tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thủy Nguyên, thành phố H. Thực hiện hợp đồng tín dụng số 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D đã giải ngân đủ số tiền vay là 1.680.000.000 đồng cho ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C đã trả cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền nợ gốc là 126.000.000 đồng và số tiền nợ lãi trong hạn là 280.002.862 đồng. Ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2011. Ngày 18 tháng 6 năm 2012 ông Phạm Văn Thủy chết. Ngày 23 tháng 7 năm 2012 bà Lã Thị C đã bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D để bán đấu giá tài sản theo biên bản bàn giao tài sản ngày 23 tháng 7 năm 2012. Tính đến ngày 23 tháng 7 năm 2012 ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C còn nợ Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền là 1.970.496.710 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 1.554.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 416.496.710 đồng. Ngày 27 tháng 7 năm 2012 Ngân hàng Thương mại

Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D - Chi nhánh H đã ký hợp đồng bán đấu giá tài sản thế chấp với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá thành phố H. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá thành phố H đã thực hiện việc đấu giá tài sản nhiều lần nhưng không thành do không có người tham gia đấu giá. Ngày 07 tháng 12 năm 2015 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá thành phố H đã thực hiện việc bán đấu giá thành đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng 200m² đất thuộc thửa đất số 197S, tờ bản đồ số 05 tại thôn Bắc, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố H đứng tên chủ sử dụng ông Phạm Văn Thủy và vợ là bà Lã Thị C với mức giá là 917.621.460 đồng, người mua được tài sản bán đấu giá là ông Nguyễn Ngọc Hạnh, địa chỉ: Số 10 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố H. Sau khi ông Nguyễn Ngọc Hạnh nộp đủ số tiền mua tài sản bán đấu giá cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D - Chi nhánh H thì Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D - Chi nhánh H đã làm các thủ tục xóa đăng ký thế chấp đối với tài sản thế chấp và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BD 120262 đứng tên chủ sử dụng là ông Phạm Văn Thủy và vợ là bà Lã Thị C do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H cấp ngày 12 tháng 11 năm 2010 cho ông Nguyễn Ngọc Hạnh. Số tiền bán đấu giá tài sản thế chấp sau khi trừ chi phí bán đấu giá Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D đã trừ vào số tiền nợ gốc mà ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C còn nợ Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D. Tính đến ngày 20 tháng 8 năm 2019 bà Lã Thị C đã trả cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D dầu khí số tiền nợ gốc là 1.015.074.169 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 280.002.862 đồng và còn nợ Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền là 4.094.203.065 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 664.925.543 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 1.108.985.031 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 609.797.499 đồng, số tiền nợ lãi chậm trả lãi là 1.710.494.992 đồng. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lã Thị C phải trả số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 và khế ước nhận nợ số 0337.01/KUNN-GPBHP/10 ngày 15 tháng 11 năm 2010 bao gồm số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi trong hạn, số tiền nợ lãi quá hạn và số tiền nợ lãi chậm trả lãi. Tại phiên tòa Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D rút yêu cầu đòi bà Lã Thị C phải trả số tiền nợ lãi chậm trả lãi là 1.710.494.992 đồng. Nay Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lã Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền nợ là 2.383.708.073 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 664.925.543 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 1.108.985.031 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 609.797.499 đồng và tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D và bà Lã Thị C, ông Phạm Văn Thủy kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2019 cho đến khi bà Lã Thị C trả hết nợ. Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D không yêu cầu các con đẻ của ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C là chị Phạm Thị Mai Phương và anh Phạm Đình Luân phải trả số tiền nợ trên.

Bị đơn là bà Lã Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 10, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố H. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là bà Lã Thị C do bà Lã Thị C không cư trú tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 10, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố H. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng bà Lã Thị C vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Lã Thị C vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là bà Lã Thị C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 298, 336, 338, 355, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 117, 307, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D về việc yêu cầu bà Lã Thị C phải trả số tiền nợ lãi chậm trả lãi là 1.710.494.992 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D, buộc bà Lã Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền nợ tính đến ngày 20 tháng 8 năm 2019 là 2.383.708.073 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 664.925.543 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 1.108.985.031 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 609.797.499 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Lã Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định pháp luật. Về án phí: Bà Lã Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Lã Thị C, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 10, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố H. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là bà Lã Thị C. Tài liệu xác minh thể hiện bà Lã Thị C chưa chuyển hộ khẩu đi đâu, không xin tạm vắng nhưng không cư trú tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 10, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố H. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là bà Lã Thị C theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 và khế ước nhận nợ ngày 15 tháng 11 năm 2010 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần D (nay là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D) và bà Lã Thị C, ông Phạm Văn Thủy thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Lã Thị C. Việc bà Lã Thị C thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Lã Thị C vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà Lã Thị C.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D và bà Lã Thị C là tranh chấp về hợp đồng dân sự và bị đơn là bà Lã Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 10, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu đòi bà Lã Thị C phải trả số tiền nợ lãi chậm trả lãi là 1.710.494.992 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D về việc yêu cầu bà Lã Thị C phải trả số tiền nợ lãi chậm trả lãi là 1.710.494.992 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lã Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 và khế ước nhận nợ

số 0337.01/KUNN-GPBHP/10 ngày 15 tháng 11 năm 2010 tính đến hết ngày 20 tháng 8 năm 2019 là 2.383.708.073 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 664.925.543 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 1.108.985.031 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 609.797.499 đồng. Bị đơn là bà Lã Thị C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D. Căn cứ hợp đồng tín dụng số 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 và khế ước nhận nợ số 0337.01/KUNN-GPBHP/10 ngày 15 tháng 11 năm 2010, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, công bố công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C ký hợp đồng tín dụng số 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 và khế ước nhận nợ số 0337.01/KUNN-GPBHP/10 ngày 15 tháng 11 năm 2010 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần D (nay là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D) để vay số tiền 1.680.000.000 đồng, mục đích vay mua đất ở, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010. Hợp đồng tín dụng số 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 và khế ước nhận nợ số 0337.01/KUNN-GPBHP/10 ngày 15 tháng 11 năm 2010 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần D (nay là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D) và ông Phạm Văn Thủy, bà Lã Thị C là tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp quy định tại Điều 122, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 117, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận. Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D đã giải ngân và ông Phạm Văn Thủy, bà Lã Thị C đã nhận đủ số tiền vay 1.680.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 0337.01/KUNN-GPBHP/10 ngày 15 tháng 11 năm 2010. Ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2011. Ngày 18 tháng 6 năm 2012 ông Phạm Văn Thủy chết. Ngày 23 tháng 7 năm 2012 bà Lã Thị C đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng 200m² đất thuộc thửa đất số 197S, tờ bản đồ số 05 tại thôn Bắc, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố H đứng tên chủ sử dụng là ông Phạm Văn Thủy và vợ là bà Lã Thị C cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D để bán đấu giá là phù hợp quy định tại Điều 336, Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên số tiền có được từ việc bán đấu giá tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bán đấu giá không bảo đảm thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Văn Thủy và bà Lã Thị C tại Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D. Ông Phạm Văn Thủy chết ngày 18 tháng 6 năm 2012. Do đó Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D khởi kiện yêu cầu bà Lã Thị C phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy các cứ Điều 298, Điều 338 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 307 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D,

buộc bà Lã Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền còn nợ tính đến ngày 20 tháng 8 năm 2019 là 2.383.708.073 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 664.925.543 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 1.108.985.031 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 609.797.499 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Lã Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là bà Lã Thị C phải chịu 79.674.161 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền tạm ứng án phí 53.600.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007363 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 298, 471, 474, 336, 338, 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 117, 307, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D, buộc bà Lã Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 0337/HĐTD-GPBHP/10 ngày 12 tháng 11 năm 2010 và khế ước nhận nợ số 0337.01/KUNN-GPBHP/10 ngày 15 tháng 11 năm 2010 tính đến hết ngày 20 tháng 8 năm 2019 là 2.383.708.073 đồng (Hai tỷ ba trăm tám mươi ba triệu bảy trăm linh tám nghìn không trăm bảy mươi ba đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 664.925.543 đồng (Sáu trăm sáu mươi tư triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng), số tiền nợ lãi trong hạn là 1.108.985.031 đồng (Một tỷ một trăm linh tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn không trăm ba mươi một đồng), số tiền nợ lãi quá hạn là

609.797.499 đồng (Sáu trăm linh chín triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Lã Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D về việc yêu cầu bà Lã Thị C phải trả số tiền lãi chậm trả lãi là 1.710.494.992 đồng (Một tỷ bảy trăm mười triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

3. Về án phí: Bà Lã Thị C phải chịu 79.674.161 đồng (Bảy mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn một trăm sáu mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền tạm ứng án phí 53.600.000 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007363 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

